|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**Số: /2017/TT-BTTTT**Dự thảo**  |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**THÔNG TƯ**

**Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM**

*Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020”;*

*Căn cứ Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia” và Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thú tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM,*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM; bố trí và quy định điều kiện sử dụng kênh tần số cho phát thanh FM băng tần 87-108 MHz và quy định điều kiện sử dụng tần số đối với các đài Truyền thanh không dây, các đài phát lại phát thanh FM.

**Điều 2. Mục tiêu quy hoạch**

Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM nhằm sắp xếp việc sử dụng và quy định điều kiện sử dụng các kênh tần số phát thanh FM cho Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh FM cấp huyện theo hướng ổn định, hạn chế nhiễu có hại giữa các thiết bị vô tuyến điện, bảo đảm sử dụng hiệu quả phổ tần số vô tuyến điện và tiến tới việc chuẩn bị một phần băng tần sẵn sàng cho phát triển công nghệ phát thanh số trong tương lai.

**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ kênh tần số**

1. Tính đến hiện trạng sử dụng của Việt Nam để bảo đảm việc chuyển đổi từ hiện trạng sang quy hoạch với chi phí thấp nhất.
2. Phân bổ kênh tần số hợp lý, hiệu quả đáp ứng nhu cầu phủ sóng các kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; hạn chế phủ sóng chồng lấn lẫn nhau giữa các đài phát sóng phát thanh FM phát cùng kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam.

**Điều 4. Quy định về phân kênh, phân bổ kênh tần số phát thanh FM**

1. Phân kênh tần số cho phát thanh FM được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Phân bổ kênh tần số cụ thể để phát sóng các kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam và các Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại Phụ lục II và III ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Quy định về ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện**

1. Căn cứ vào Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và nhu cầu sử dụng, các tham số phát sóng được tính toán ấn định và quy định cụ thể trong Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.
2. Vùng phủ sóng phát thanh FM được tính toán với mức cường độ trường tối thiểu quy định tại mục 1; tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu quy định tại mục 2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phủ sóng phát thanh FM và bảo vệ khỏi nhiễu có hại chủ yếu trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được phủ sóng sang địa bàn thuộc các tỉnh, thành phố khác nhưng không được gây nhiễu có hại cho các hệ thống phát thanh FM khác đã được phân bổ kênh tần số theo quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện được phủ sóng phát thanh FM và bảo vệ khỏi nhiễu có hại chủ yếu trong phạm vi địa giới hành chính của huyện đó.
5. Trên cơ sở không gây can nhiễu cho các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam và của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hoạt động hoặc đã được phân bổ kênh tần số tại Phụ lục II và Phụ lục III, các đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện được xem xét ấn định kênh tần số tại các đoạn băng tần theo thứ tự tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.
6. Đài phát sóng phát thanh FM phải sử dụng anten có hướng tính phù hợp để phủ sóng hiệu quả và không gây nhiễu có hại tới các đài phát sóng phát thanh FM và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác.
7. Đài phát sóng phát thanh FM ở khu vực biên giới phải sử dụng anten có hướng tính phù hợp để bảo đảm vùng phủ sóng tuân theo thỏa thuận về phối hợp tần số biên giới giữa Việt Nam với nước láng giềng.
8. Đài phát sóng thử nghiệm, đài phát sóng kênh chương trình đặc thù, đài phát lại phủ sóng vùng lõm, vùng sâu, vùng xa được ấn định kênh tần số theo từng trường hợp trên cơ sở không gây nhiễu có hại cho đài phát thanh FM khác đã được phân bổ kênh tần số theo quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Bổ sung kênh tần số đối với trường hợp đặc biệt**

Căn cứ vào Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, Giấy phép hoạt động phát thanh và khả năng đáp ứng về tần số tại từng địa bàn, Cục Tần số vô tuyến điện xem xét ấn định bổ sung kênh tần số trong từng trường hợp cụ thể để đáp ứng nhu cầu phát triển thêm kênh, mở rộng vùng phủ sóng phát thanh FM cho Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam:
2. Trường hợp Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện chuyển đổi tần số của máy phát đang hoạt động phù hợp với phân bổ kênh tần số theo Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT, hoặc đầu tư máy phát mới để phát sóng trên kênh tần số theo quy hoạch mà gây nhiễu có hại đến các đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện đã được cấp phép thì Đài Tiếng nói Việt Nam phải có trách nhiệm hỗ trợ về mặt kỹ thuật để các Đài bị ảnh hưởng thực hiện chuyển đổi tần số.
3. Trường hợp đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chuyển đổi tần số đang hoạt động theo quy hoạch sang tần số phân bổ dự phòng để tạo điều kiện cho Đài Tiếng nói Việt Nam triển khai thực hiện quy hoạch mà gây nhiễu có hại đến các đài phát thanh FM cấp huyện đã được cấp phép thì Đài Tiếng nói Việt Nam phải có trách nhiệm hỗ trợ về mặt kỹ thuật để các Đài bị ảnh hưởng thực hiện chuyển đổi tần số.
4. Khi việc ấn định kênh tần số là khả thi, Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện chuyển đổi tần số đang hoạt động về tần số theo quy hoạch này.
5. Đối với Đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện:

Đối với các Đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện đang hoạt động, khi thực hiện đầu tư mới để thay thế máy phát sóng thì phải chuyển sang hoạt động ở tần số phù hợp để tránh khả năng gây can nhiễu cho các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam và các đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được phân bổ kênh tần số theo quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư này.

1. Đối với đài truyền thanh không dây:
2. Đài truyền thanh không dây được cấp mới giấy phép hoạt động trong băng tần (54-68)MHz;
3. Không đầu tư mới, không cấp mới giấy phép cho đài truyền thanh không dây trong băng tần (87-108)MHz;
4. Các đài truyền thanh không dây đã được cấp phép trong băng tần (87- 108)MHz không được bảo vệ can nhiễu từ hoặc kháng nghị can nhiễu tới các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh FM cấp huyện trong dải tần số (87-108) MHz và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác; trường hợp gây can nhiễu có hại cho các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh FM cấp huyện trong dải tần (87-108) MHz và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác, đài truyền thanh không dây phải áp dụng ngay các biện pháp kỹ thuật để loại bỏ nhiễu có hại; nếu không loại bỏ được nhiễu có hại thì phải ngừng sử dụng.

**Điều 8: Tổ chức thực hiện**

1. Cục Tần số vô tuyến điện (Bộ Thông tin và Truyền thông) có trách nhiệm:
2. Phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này;
3. Căn cứ vào quy hoạch, hiện trạng và các kế hoạch sử dụng băng tần dùng chung của các nghiệp vụ khác để ấn định tần số, cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định của pháp luật.
4. Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này.
5. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh cấp huyện, Đài truyền thanh cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp với Thông tư này.
6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Đài Phát thanh, Đài Phát thanh truyền hình, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan tại địa phương triển khai thực hiện Thông tư này.

**Điều 9: Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017 và thay thế Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM.
2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài tiếng nói Việt Nam, các Đài phát thanh, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các PTT Chính phủ;- VP Trung ương Đảng;- VP Tổng bí thư;- VP Quốc hội;- VP Chính phủ;- VP Chủ tịch nước;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Ủy ban Tần số vô tuyến điện;- Đài Tiếng nói Việt Nam;- Các Đài PT, Đài PTTH và các Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ TT&TT;- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TT&TT;- Cổng thông tin điện tử Bộ TT&TT;- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Công báo;- Lưu: VT, CTS.HQS.350. | **BỘ TRƯỞNG** **Trương Minh Tuấn** |

**PHỤ LỤC I**

BẢNG PHÂN KÊNH TẦN SỐ CHO PHÁT THANH FM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTTTT ngày / /2017 của*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Băng tần số: 87 - 108 MHz

Phân kênh tần số:

Công thức xác định tần số trung tâm (MHz):

fn = 87 + n x 0,1                         *n =* 1, 2, 3, …, 209;

Bảng tần số trung tâm của các kênh

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kênh** | **Tần số trung tâm (MHz)** |  | **Kênh** | **Tần số trung tâm (MHz)** |  | **Kênh** | **Tần số trung tâm (MHz)** |  | **Kênh** | **Tần số trung tâm (MHz)** |  | **Kênh** | **Tần số trung tâm (MHz)** |
| 1 | 87,1 |   | 43 | 91,3 |   | 85 | 95,5 |   | 127 | 99,7 |   | 169 | 103,9 |
| 2 | 87,2 |   | 44 | 91,4 |   | 86 | 95,6 |   | 128 | 99,8 |   | 170 | 104 |
| 3 | 87,3 |   | 45 | 91,5 |   | 87 | 95,7 |   | 129 | 99,9 |   | 171 | 104,1 |
| 4 | 87,4 |   | 46 | 91,6 |   | 88 | 95,8 |   | 130 | 100 |   | 172 | 104,2 |
| 5 | 87,5 |   | 47 | 91,7 |   | 89 | 95,9 |   | 131 | 100,1 |   | 173 | 104,3 |
| 6 | 87,6 |   | 48 | 91,8 |   | 90 | 96 |   | 132 | 100,2 |   | 174 | 104,4 |
| 7 | 87,7 |   | 49 | 91,9 |   | 91 | 96,1 |   | 133 | 100,3 |   | 175 | 104,5 |
| 8 | 87,8 |   | 50 | 92 |   | 92 | 96,2 |   | 134 | 100,4 |   | 176 | 104,6 |
| 9 | 87,9 |   | 51 | 92,1 |   | 93 | 96,3 |   | 135 | 100,5 |   | 177 | 104,7 |
| 10 | 88 |   | 52 | 92,2 |   | 94 | 96,4 |   | 136 | 100,6 |   | 178 | 104,8 |
| 11 | 88,1 |   | 53 | 92,3 |   | 95 | 96,5 |   | 137 | 100,7 |   | 179 | 104,9 |
| 12 | 88,2 |   | 54 | 92,4 |   | 96 | 96,6 |   | 138 | 100,8 |   | 180 | 105 |
| 13 | 88,3 |   | 55 | 92,5 |   | 97 | 96,7 |   | 139 | 100,9 |   | 181 | 105,1 |
| 14 | 88,4 |   | 56 | 92,6 |   | 98 | 96,8 |   | 140 | 101 |   | 182 | 105,2 |
| 15 | 88,5 |   | 57 | 92,7 |   | 99 | 96,9 |   | 141 | 101,1 |   | 183 | 105,3 |
| 16 | 88,6 |   | 58 | 92,8 |   | 100 | 97 |   | 142 | 101,2 |   | 184 | 105,4 |
| 17 | 88,7 |   | 59 | 92,9 |   | 101 | 97,1 |   | 143 | 101,3 |   | 185 | 105,5 |
| 18 | 88,8 |   | 60 | 93 |   | 102 | 97,2 |   | 144 | 101,4 |   | 186 | 105,6 |
| 19 | 88,9 |   | 61 | 93,1 |   | 103 | 97,3 |   | 145 | 101,5 |   | 187 | 105,7 |
| 20 | 89 |   | 62 | 93,2 |   | 104 | 97,4 |   | 146 | 101,6 |   | 188 | 105,8 |
| 21 | 89,1 |   | 63 | 93,3 |   | 105 | 97,5 |   | 147 | 101,7 |   | 189 | 105,9 |
| 22 | 89,2 |   | 64 | 93,4 |   | 106 | 97,6 |   | 148 | 101,8 |   | 190 | 106 |
| 23 | 89,3 |   | 65 | 93,5 |   | 107 | 97,7 |   | 149 | 101,9 |   | 191 | 106,1 |
| 24 | 89,4 |   | 66 | 93,6 |   | 108 | 97,8 |   | 150 | 102 |   | 192 | 106,2 |
| 25 | 89,5 |   | 67 | 93,7 |   | 109 | 97,9 |   | 151 | 102,1 |   | 193 | 106,3 |
| 26 | 89,6 |   | 68 | 93,8 |   | 110 | 98 |   | 152 | 102,2 |   | 194 | 106,4 |
| 27 | 89,7 |   | 69 | 93,9 |   | 111 | 98,1 |   | 153 | 102,3 |   | 195 | 106,5 |
| 28 | 89,8 |   | 70 | 94 |   | 112 | 98,2 |   | 154 | 102,4 |   | 196 | 106,6 |
| 29 | 89,9 |   | 71 | 94,1 |   | 113 | 98,3 |   | 155 | 102,5 |   | 197 | 106,7 |
| 30 | 90 |  | 72 | 94,2 |  | 114 | 98,4 |  | 156 | 102,6 |  | 198 | 106,8 |
| 31 | 90,1 |  | 73 | 94,3 |  | 115 | 98,5 |  | 157 | 102,7 |  | 199 | 106,9 |
| 32 | 90,2 |  | 74 | 94,4 |  | 116 | 98,6 |  | 158 | 102,8 |  | 200 | 107 |
| 33 | 90,3 |  | 75 | 94,5 |  | 117 | 98,7 |  | 159 | 102,9 |  | 201 | 107,1 |
| 34 | 90,4 |  | 76 | 9.4,6 |  | 118 | 98,8 |  | 160 | 103 |  | 202 | 107,2 |
| 35 | 90,5 |  | 77 | 94,7 |  | 119 | 98,9 |  | 161 | 103,1 |  | 203 | 107,3 |
| 36 | 90,6 |  | 78 | 94,8 |  | 120 | 99 |  | 162 | 103,2 |  | 204 | 107,4 |
| 37 | 90,7 |  | 79 | 94,9 |  | 121 | 99,1 |  | 163 | 103,3 |  | 205 | 107,5 |
| 38 | 90,8 |  | 80 | 95 |  | 122 | 99,2 |  | 164 | 103,4 |  | 206 | 107,6 |
| 39 | 90,9 |  | 81 | 95,1 |  | 123 | 99,3 |  | 165 | 103,5 |  | 207 | 107,7 |
| 40 | 91 |  | 82 | 95,2 |  | 124 | 99,4 |  | 166 | 103,6 |  | 208 | 107,8 |
| 41 | 91,1 |  | 83 | 95,3 |  | 125 | 99,5 |  | 167 | 103,7 |  | 209 | 107,9 |
| 42 | 91,2 |  | 84 | 95,4 |  | 126 | 99,6 |  | 168 | 103,8 |  |  |  |

**PHỤ LỤC II**

BẢNG PHÂN BỔ KÊNH TẦN SỐ ĐỂ PHÁT SÓNG PHÁT THANH FM CÁC CHƯƠNG TRÌNH THUỘC ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTTTT ngày / /2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tỉnh, thành phố** | **Địa bàn đặt máy phát sóng** | **Tần số trung tâm (MHz)** | **Kênh chương trình phát thanh** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Hà Giang | H. Quản Bạ | 95 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 97 | VOV4 |
| Tp. Hà Giang | 100 | VOV1 |
| H. Đồng Văn | 100 | VOV1 |
| H. Mèo Vạc | 100 | VOV1 |
| H. Bắc Quang | 100 | VOV1 |
| Chiêu Lầu Thi, xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì | 94 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2 |
| 90,5 | VOV4 |
| 2 | Cao Bằng | H. Nguyên Bình | 94 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 97 | VOV4 |
| 3 | Bắc Cạn | Tx. Bắc Cạn | 97,8 | VOV1-4 |
| 99,5 | VOV2 |
| 4 | Điện Biên | H. Mường Nhé | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| TP. Điện Biên | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 90,5 | VOV4 |
| 5 | Lai Châu | TP. Lai Châu | 95 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2-4 |
| Sìn Hồ | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 97 | VOV4 |
| Mường Tè | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2-4 |
| 6 | Lào Cai | TP. Lào Cai | 94 | VOV1 |
| 103.5 | VOV2-4 |
| 101 | VOV3 |
| 91,5 | VOVGT |
| 7 | Sơn La | TP. Sơn La | 95 | VOV1 |
| Đèo Pha Đin | 94 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
| 97 | VOV4 |
| TT. Mộc Châu | 100 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| TT. Sốp Cộp | 100 | VOV1 |
| TT. Sông Mã | 94 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| TT. Phù Yên | 95 | VOV1 |
| 97 | VOV4 |
| 8 | Hòa Bình | TP. Hòa Bình | 94 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2 |
| 9 | Yên Bái | TP. Yên Bái | 94 | VOV1 |
| 10 | Lạng Sơn | Núi Mẫu Sơn | 95 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2-4 |
| 101 | VOV3 |
| 91,5 | VOVGT |
| 11 | Vĩnh Phúc | Tam Đảo | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 12 | Hà Nội | TP. Hà Nội | 105,5 | VOV5 |
| 91 | VOV GT |
| 89 | VOV FM89 |
| 104 | TA 24/7 |
| 13 | Hải Phòng | Cát Bà | 95 | VOV1 |
| 14 | Quảng Ninh | Vân Đồn | 100 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2-4 |
| TP. Hạ Long | 94 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 91,5 | VOVGT |
| 105,7 | VOV5 |
| 104 | TA 24/7 |
| Tx. Móng Cái | 95 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 91 | VOVGT |
| 15 | Thanh Hóa | Núi Hàm Rồng | 94 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
| 91,5 | VOVGT |
| H. Ngọc Lặc | 100 | VOV1-4 |
| H. Bá Thước | 95 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2-4 |
| 16 | Nghệ An | H. Quỳ Hợp | 95 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| H. Nghĩa Đàn | 97,8 | VOV1 |
| H. Tương Dương | 103,5 | VOV2 |
| H. Con Cuông | 100 | VOV1 |
| H. Kỳ Sơn | 95 | VOV1 |
| H. Quế Phong | 94 | VOV1 |
| Núi Đại Huệ[[1]](#footnote-1)\* | 95 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 17 | Hà Tĩnh | Núi Thiên Tượng | 95 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 91 | VOVGT |
| H. Hương Khê | 94 | VOV1 |
| 18 | Quảng Bình | TP. Đồng Hới | 100 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 91,5 | VOVGT |
| H. Minh Hóa | 95 | VOV1 |
| 19 | Quảng Trị | TP. Đông Hà | 94 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
| 88,5 | VOVGT |
|  |  | TT. Khe Sanh | 100 | VOV1 |
| 20 | Thừa Thiên Huế | TP. Huế | 95 | VOV1 |
| 101,5 | VOV3 |
| 104,5 | TA 24/7 |
| H.A Lưới | 100 | VOV1 |
| Núi Bạch Mã | 95[[2]](#footnote-2)\*\* | VOV1 |
| 99,5 | VOV2 |
| 21 | Đà Nẵng | BĐ Sơn Trà | 100 | VOV1-4 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 91 | VOVGT |
| 89 | VOV FM89 |
| 104 | TA 24/7 |
| 22 | Quảng Nam | H. Đông Giang | 95 | VOV1-4 |
| 23 | Quảng Ngãi | Lý Sơn | 95 | VOV1 |
| TP. Quảng Ngãi | 94 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
|  |  | 91,5 | VOVGT |
| 24 | Bình Định | Núi Vũng Chua | 95 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 91 | VOVGT |
| 25 | Phú Yên | Núi Chóp Chài | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 90,5 | VOV4 |
| 91,5 | VOVGT |
| 26 | Khánh Hòa | TP. Nha Trang | 95 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
| 91 | VOVGT |
|  |  |  | 104 | TA 24/7 |
| 27 | Ninh Thuận | Tx. Phan Rang | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 90,5 | VOV4 |
| 91,5 | VOVGT |
| 28 | Bình Thuận | Tp. Phan Thiết | 94 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 97 | VOV4 |
| 91,5 | VOVGT |
| 29 | Kon Tum | Tx. Kon Tum | 100 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 90,5 | VOV4 |
| H. Ngọc Hồi | 94 | VOV1-4 |
| 30 | Gia Lai | TP. Plei Ku | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 97 | VOV4 |
| 31 | Đắc Lắc | Đèo Hà Lan | 94 | VOV1 |
| Đài PSPT Đắc Lắc | 100 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 90,5 | VOV4 |
| 91 | VOVGT |
| 32 | Đắc Nông | TT. Gia Nghĩa | 95 | VOV1 |
| 99,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
| 97 | VOV4 |
| 33 | Lâm Đồng | Cầu Đất | 100 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101,5 | VOV3 |
| 88 | VOV4 |
| 34 | Tây Ninh | Núi Bà Đen | 101 | VOV3 |
| 35 | Tp. HCM | Tp. HCM | 94 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 105,7 | VOV5 |
| 91 | VOV GT |
| 89 | VOV FM89 |
| 104 | TA 24/7 |
| 36 | Cần Thơ | Đài PSPT VN2 (ô môn) | 94 | VOV1 |
| 96,5 | VOV2 |
| 88 | VOV4 |
| 90 | VOVGT |
| 89 | VOV FM89 |
| 104 | TA 24/7 |
| 37 | An Giang | Núi Cấm | 96,5 | VOV2 |
| 102,7 | VOV3 |
| 90,5 | VOV4 |
| 38 | Trà Vinh | Trà Vinh | 95 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 39 | Cà Mau | TP. Cà Mau | 97,8 | VOV1 |
| 101,5 | VOV3 |
| 40 | Các đảo lớn trên biển Việt Nam | Cô Tô Q.Ninh | 100 | VOV1 |
| Hòn Mê T.Hóa | 100 | VOV1 |
| Cồn Cỏ Q.Trị | 95 | VOV1 |
| Cù Lao Chàm - Q.Nam | 94 | VOV1 |
| Phú Quý - Bình Thuận | 95 | VOV1 |
| Côn Đảo - BR-VT | 100 | VOV1 |
| Phú Quốc - Kiên Giang | 95 | VOV1 |
| 103,5 | VOV2 |
| 101 | VOV3 |
| Thổ Chu - Kiên Giang | 100 | VOV1 |
| Trường Sa - Khánh Hòa | 100 | VOV1 |

**Ghi chú**

● *Vị trí chính xác (kinh độ, vĩ độ) của địa điểm nơi đặt anten, độ cao anten, công suất phát sóng của các đài phát thanh FM thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.*

*● Khuyến nghị dùng anten phát sóng có hướng tính phù hợp để tăng hiệu quả sử dụng phổ tần và giảm can nhiễu.*

*● VOV1, VOV2, VOV3, VOV4, VOV5, VOVGT là tên các kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam triển khai trên các kênh tần số được phân bổ:*

*- VOV1: Thời sự - Chính trị - Tổng hợp;*

*- VOV2: Văn hoá - Đời sống - Khoa giáo;*

*- VOV3: Âm nhạc - Thông tin - Giải trí;*

*- VOV4: Phát thanh tiếng dân tộc;*

*- VOV5: Phát thanh đối ngoại;*

*- VOV1-4: Phát chương trình VOV4, thời gian còn lại phát chương trình VOV1;*

*- VOV2-4: Phát chương trình VOV4, thời gian còn lại phát chương trình VOV2;*

*- VOV3-4: Phát chương trình VOV4, thời gian còn lại phát chương trình VOV3;*

*- VOVGT: Phát thanh giao thông.*

*- TA 24/7: Kênh tiếng Anh 24/7*

*- FM 89: Kênh Sức khỏe và An toàn thực phẩm*

**PHỤ LỤC III**

BẢNG PHÂN BỔ KÊNH TẦN SỐ ĐỂ PHÁT SÓNG PHÁT THANH FM CHƯƠNG TRÌNH THUỘC ĐÀI PHÁT THANH, ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTTTT ngày / /2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tỉnh, thành phố** (địa bàn đặt Đài phát sóng) | **Tần số trung tâm (MHz)** | **Công suất phát sóng tham chiếu (kW)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Hà Giang | 92 | 5 |
| 2 | Lào Cai | 97 | 5 |
| 3 | Cao Bằng | 99 | 5 |
| 4 | Điện Biên | 98 | 5 |
| 5 | Lai Châu | 94,1 | 5 |
| 6 | Tuyên Quang | 95,6 | 5 |
| 7 | Yên Bái | 92,1 | 5 |
| 8 | Sơn La | 96 | 5 |
| 9 | Bắc Kạn (\*) | 99,3 | 5 |
| 10 | Thái Nguyên | 106,5 | 5 |
| 11 | Lạng Sơn | 88,6 | 5 |
| 12 | Phú Thọ | 106 | 5 |
| 13 | Vĩnh Phúc | 100,7 | 2 |
| 14 | Bắc Giang | 98,4 | 5 |
| 15 | Bắc Ninh | 92,1 | 2 |
| 16 | TP. Hà Nội | 90 | 20 |
| 96 |
| 98,9 |
| 17 | Hòa Bình | 105 | 5 |
| 18 | Hưng Yên | 92,7 | 2 |
| 19 | Hải Dương | 104,5 | 3 |
| 20 | Hải Phòng | 93,7 | 5 |
| 21 | Quảng Ninh | 97,8 | 5 |
| 22 | Thái Bình | 97 | 2 |
| 23 | Nam Định | 95,1 | 2 |
| 24 | Ninh Bình | 98,1 | 2 |
| 25 | Hà Nam | 93,3 | 2 |
| 26 | Thanh Hóa | 92,3 | 5 |
| 27 | Nghệ An | 99,6 | 5 |
| 28 | Hà Tĩnh | 97,8 | 5 |
| 29 | Quảng Bình | 96,1 | 5 |
| 30 | Quảng Trị | 92,5 | 5 |
| 31 | Thừa Thiên Huế | 93 | 2 |
| 32 | Đà Nẵng (\*) | 96,3 | 5 |
| 33 | Quảng Nam | 97,6 | 2 |
| 34 | Quảng Ngãi | 102,9 | 5 |
| 35 | Bình Định | 97 | 5 |
| 36 | Phú Yên | 96 | 5 |
| 37 | Khánh Hòa | 106,5 | 5 |
| 38 | Ninh Thuận | 95 | 5 |
| 39 | Bình Thuận | 92,3 | 5 |
| 40 | Kon Tum | 95,1 | 5 |
| 41 | Gia Lai | 102 | 5 |
| 42 | Đắc Nông | 96,6 | 5 |
| 43 | Đắc Lắc | 94,7 | 5 |
| 44 | Lâm Đồng | 97 | 5 |
| 45 | Bình Phước | 89,4 | 5 |
| 46 | Bình Dương | 92,5 | 3 |
| 47 | Đồng Nai | 97,5 | 5 |
| 48 | Tây Ninh | 103,1 | 5 |
| 49 | Bà Rịa -Vũng Tàu | 92 | 3 |
| 50 | TP. Hồ Chí Minh | 99,9 | 20 |
| 95,6 |
| 87,7 |
| 51 | Long An | 96,9 | 5 |
| 52 | Tiền Giang | 96,2 | 3 |
| 53 | Đồng Tháp | 98,4 | 5 |
| 54 | An Giang | 93,1 | 5 |
| 55 | Bến Tre | 97,9 | 3 |
| 56 | Vĩnh Long | 90,2 | 2 |
| 57 | Trà Vinh | 92,7 | 3 |
| 58 | Cần Thơ | 97,3 | 5 |
| 59 | Hậu Giang | 89,6 | 3 |
| 60 | Sóc Trăng | 100,4 | 5 |
| 61 | Kiên Giang | 99,4 | 5 |
| 62 | Bạc Liêu | 93,8 | 3 |
| 63 | Cà Mau | 94,6 | 5 |

**Ghi chú**

● *Vị trí chính xác (kinh độ, vĩ độ) của địa điểm nơi đặt anten, độ cao anten, công suất phát sóng của các đài phát thanh FM tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.*

● *Công suất phát sóng tham chiếu là giá trị dùng để đánh giá khả năng can nhiễu giữa các đài phát sóng phát thanh FM. Tỉnh có diện tích lớn hoặc do đặc thù về điều kiện địa hình, địa điểm đặt máy phát sóng có thể đề xuất sử dụng máy phát có công suất lớn hơn, nhưng không vượt quá 200%, mức công suất phát sóng tham chiếu. Cục Tần sổ vô tuyến điện tính toán ấn định công suất phát và quy định sử dụng anten có hướng tính phù hợp để đảm bảo không gây nhiễu có hại tới địa bàn phủ sóng của đài phát sóng phát thanh FM tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. Công suất phát sóng và hướng tính anten được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.*

*(\*) Phân bổ kênh tần số dự phòng: Đối với Đài Phát thanh và Truyền hình Đà Nẵng và Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, trong trường hợp phải thực hiện chuyển đổi tần số hoạt động từ kênh tấn số đã được phân bổ sang kênh tần số khác để tạo điều kiện cho Đài Tiếng nói Việt Nam triển khai phát sóng theo quy hoạch, Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng và Đài Phát thanh Truyền hình Bắc Kạn được phân bổ dự phòng các kênh tấn số cụ thể sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tên tỉnh, thành phố*** *(địa bàn đặt Đài phát sóng)* | ***Tần số trung tâm (MHz)*** |
| *Bắc Kạn* | *102,1* |
| *Đà Nẵng* | *98,5* |

**PHỤ LỤC IV**

THAM SỐ TÍNH TOÁN ẤN ĐỊNH KÊNH TẦN SỐ CHO PHÁT THANH FM
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTTTT ngày / /2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Các tham số dùng cho tính toán ấn định kênh tần số cho phát thanh FM dựa trên Khuyến nghị ITU-R BS.412-9, cụ thể như sau:

**1. Mức cường độ trường tối thiểu**

Vùng phủ sóng được tính với mức cường độ trường tối thiểu là 54 dB(µV/m) đối với đài phát sóng phát thanh FM Stereo và 48 dB(µV/m) đối với đài phát sóng phát thanh FM Mono.

**2. Tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu**

Tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu là giá trị tối thiểu của tỷ số giữa tín hiệu mong muốn trên tín hiệu không mong muốn, được thể hiện theo decibel ở đầu vào của máy thu như trong bảng sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| Khoảng cách sóng mang (kHz) | Tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu (dB) với độ lệch tần số cực đại ±75 kHz |
| Mono FM | Stereo FM |
| Nhiễu liên tục | Nhiễu gián đoạn | Nhiễu liên tục | Nhiễu gián đoạn |
| 0 | 36.0 | 28.0 | 45.0 | 37.0 |
| 25 | 31.0 | 27.0 | 51.0 | 43.0 |
| 50 | 24.0 | 22.0 | 51.0 | 43.0 |
| 75 | 16.0 | 16.0 | 45.0 | 37.0 |
| 100 | 12.0 | 12.0 | 33 0 | 25.0 |
| 125 | 9.5 | 9.5 | 24.5 | 18.0 |
| 150 | 8.0 | 8.0 | 18.0 | 14.0 |
| 175 | 7.0 | 7.0 | 11.0 | 10.0 |
| 200 | 6.0 | 6.0 | 7.0 | 7.0 |
| 225 | 4.5 | 4.5 | 4.5 | 4.5 |
| 250 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| 275 | -2.0 | -2.0 | -2.0 | -2.0 |
| 300 | -7.0 | -7.0 | -7.0 | -7.0 |
| 325 | -11.5 | -11.5 | -11.5 | -11.5 |
| 350 | -15.0 | -15.0 | -15.0 | -15.0 |
| 375 | -17.5 | -17.5 | -17.5 | -17.5 |
| 400 | -20.0 | -20.0 | -20.0 | -20.0 |

**PHỤ LỤC V**

THỨ TỰ ƯU TIÊN CÁC ĐOẠN BĂNG TẦN ĐỂ XEM XÉT, ẤN ĐỊNH CHO ĐÀI PHÁT SÓNG PHÁT THANH FM CẤP HUYỆN
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTTTT ngày / /2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Đoạn băng tần** |
| 1 | 93 MHz – 96 MHz |
| 2 | 96 MHz – 99 MHz |
| 3 | 90 MHz – 93 MHz  |
| 4 | 88 MHz – 90 MHz  |
| 5 | 99 MHz – 101 MHz |
| 6 | 103 MHz – 105 MHz |
| 7 | 101 MHz – 103 MHz |

1. *\* Điểm phát sóng núi Đại Huệ (Nghệ An) được quy hoạch để thay thế cho điểm phát sóng núi Thiên Tượng (Hà Tĩnh). Một phân bổ kênh tần số cho điểm phát sóng núi Đại Huệ chỉ được ấn định khi ngừng phát sóng kênh tần số đó tại điểm phát sóng núi Thiên Tượng.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *\*\* Phân bổ kênh tần số 95 MHz cho điểm phát sóng núi Bạch Mã chỉ được ấn định khi không sử dụng/ngừng sử dụng kênh tần số này tại điểm phát sóng thành phố Huế* [↑](#footnote-ref-2)